

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI,
VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG BAY**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đã tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định về hoạt động bay, kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngày 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026. Trong đó, tại Điều 106 có giao Chính phủ quy định chi tiết các Điều, khoản của Luật, dự thảo Nghị định về hoạt động bay.

Tiếp tục kế thừa và chuyên hóa lại những quy định tại Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay; Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định 139/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 quy định thể thức bay chặn, bay kèm, bay ép tàu bay vi phạm vùng trời Việt Nam hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế các nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật HKDDVN số 130/2025/QH15.

Rà soát, nội luật hóa các các quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển của hàng không của các nước tiên tiến trên thế giới. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về hàng không dân dụng; nâng cao hiệu quả chất lượng công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động bay.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đã thực hiện rà soát toàn bộ quy định về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về hoạt động bay.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Công văn số 48/CV-BCDDTKNQ ngày 03 tháng 05 năm 2025 về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, dự thảo Nghị định hiện nay không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới, chỉ quy 02 thủ tục hành chính đã được quy định tại văn bản trước đó, cụ thể:

+ *Thủ tục cấp phép bay*: Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam và Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam (kế thừa quy định tại Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay);

+ *Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình* (Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam).

Dự thảo Nghị định đã được quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP và được triển khai thực hiện cơ bản hiệu quả trong những năm qua, đáp ứng yêu cầu về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý, khai thác sân bay chuyên dùng, bãi cất hạ cánh các hoạt động bay trong lĩnh vực sân bay chuyên dùng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo đảm an toàn hoạt động bay; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong công tác quản lý, chỉ đạo, lập quy hoạch, thực hiện các dự án liên quan đến độ cao xây dựng công trình, mở, đóng sân bay chuyên dùng, bãi cất hạ cánh; bảo đảm an ninh, an toàn khai thác hàng không, phát triển hệ thống sân bay chuyên dùng phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, vùng, địa phương; bảo đảm tính công khai, minh bạch về các quy định của pháp luật và các TTHC theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian, phiền nhiễu cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Dự thảo Nghị định đã đánh giá tác động thủ tục hành chính đầy đủ theo Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2022 và Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 78; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc phân quyền, phân cấp

- Thực hiện quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản luật liên quan. Đồng thời bám sát các yêu cầu, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong thời gian quan về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, theo đó việc phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và địa phương nhằm phân định nhiệm vụ, quyền hạn cho từng cấp, để việc quản lý được rõ ràng, rành mạch và hiệu quả, bảo đảm việc phân giao nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với chức năng, thẩm quyền và điều kiện ở mỗi, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Nội dung phân quyền, phân cấp

+ *Triển khai Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, trong đó theo phương án Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 thực hiện phân cấp “Sửa đổi Điều 15 theo hướng phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý chướng ngại vật ngoài sân bay (vùng phụ cận)”, do đó tại dự thảo Nghị định đã thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “Cấp phép xây dựng cho các công trình dưới độ cao theo nội dung đồ án quy hoạch và các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không sân bay dùng chung, bãi cất, hạ cánh; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không đã được công bố công khai.”.*

+ *Tìm kiếm cứu nạn hàng không:*

Dự thảo Nghị định đã phân định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương (Trung ương (cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, lực lượng chủ trì TKCN) có trách nhiệm: ban hành quy chế; tổ chức, điều phối chung; huy động lực lượng liên vùng, liên ngành khi vượt khả năng địa phương); Địa phương, đơn vị tại chỗ: trực tiếp triển khai TKCN ban đầu; huy động lực lượng, phương tiện sẵn có; xử lý tình huống khẩn cấp ngay khi xảy ra sự cố.

Nguyên tắc “4 tại chỗ” được thể chế hóa rõ ràng tại Dự thảo Nghị định: cơ chế chỉ huy; tổ chức lực lượng; huy động phương tiện; bảo đảm hậu cần.

- Điều kiện bảo đảm để thực hiện nội dung được phân cấp, phân quyền:

Với quy định hiện hành và dự kiến sau này khi được phân cấp, các cơ quan được phân cấp về cơ bản vẫn tiếp tục áp dụng, sử dụng nguồn tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực tại địa phương hiện có để thực hiện nhiệm vụ.

Dự thảo Nghị định sẽ được lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu sự tác động trực tiếp của chính sách để có thêm cơ sở đánh giá, phân tích, đề quy định phù hợp với thực tiễn.

- Việc thực hiện kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp:

Cơ quan, người phân cấp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả theo quy định.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa trực tiếp yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý hoạt động bay, phù hợp với định hướng phát triển hàng không hiện đại:

- Dự thảo Nghị định không chỉ điều chỉnh hoạt động quản lý hành chính truyền thống, mà đã thiết kế khung pháp lý cho quản lý hoạt động bay hiện đại, dựa trên: hệ thống thông tin, dữ liệu số; công nghệ CNS/ATM...

- Các nội dung này thể hiện rõ qua các quy định về: quản lý, khai thác hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát; quản lý luồng không lưu (ATFM); công bố, trao đổi thông tin hàng không (AIS/AIM); phối hợp điều hành bay trên nền tảng thông tin dùng chung.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định bảo đảm đầy đủ yêu cầu bình đẳng giới, không có quy định phân biệt đối xử, phù hợp với pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

- Bảo vệ vùng trời, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia là việc hết sức quan trọng đối với mỗi quốc gia, dân tộc, là nhiệm vụ trọng yếu của toàn đảng toàn dân. Do đó, Luật Hàng không dân dụng số 130/2025/QH15 đã quy định “bảo đảm hoạt động bay phải đáp ứng yêu cầu an toàn, liên tục, điều hòa và hiệu quả, tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng, bảo vệ vùng trời, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.”.

- Vùng trời là một bộ phận không thể tách rời của chủ quyền quốc gia, ngang hàng với đất liền, vùng biển và hải đảo. Việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vùng trời nhằm: Ngăn chặn các hành vi xâm phạm từ bên ngoài; khẳng định chủ quyền của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế; góp phần giữ vững độc lập, tự do – giá trị thiêng liêng của dân tộc.

- Bảo vệ vùng trời giúp phòng ngừa, phát hiện sớm các mối đe dọa quân sự, khủng bố, gián điệp; tạo thế chủ động chiến lược trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; kết hợp chặt chẽ giữa hàng không dân dụng và hàng không quân sự trong thế trận quốc phòng toàn dân.

- Dự thảo Nghị định áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước, không có quy định phân biệt vùng miền, dân tộc; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc.

- Dự thảo Nghị định gián tiếp bảo vệ quyền được an toàn, được hỗ trợ khẩn cấp của người dân, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số: quản lý hoạt động bay an toàn, hiệu quả; góp phần phát triển giao thông hàng không đến vùng khó khăn; hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai, tai nạn.

- Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động bay tạo nền tảng cho phát triển hàng không khu vực, mở rộng kết nối vùng miền; góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển, thúc đẩy du lịch, giao thương vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số./.

Dự thảo 1
27/01/2026

BỘ XÂY DỰNG

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG BAY

(Kèm theo Tờ trình số /Ttr-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

I. Xác định vấn đề tổng quan

Ngày 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026. Trong đó ban hành Nghị định về hoạt động bay để hướng dẫn các Điều, khoản giao trong Luật HKDD 2025.

Dự thảo Nghị định này sẽ thay thế 03 Nghị định: Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay; Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng; các quy định liên quan đến “các trận địa quản lý và bảo vệ vùng trời tại Việt Nam” quy định trong Nghị định số 32/2016/NĐ-CP đã được bãi bỏ bởi Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 8/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng không nhân dân và Nghị định 139/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 quy định thể thức bay chặn, bay kèm, bay ép tàu bay vi phạm vùng trời Việt Nam hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Hiện tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính (TTHC), cụ thể như sau:

+ Thủ tục cấp phép bay: Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam và Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam (quy định tại Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay);

+ Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình (Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam)

II. Đánh giá tác động của từng thủ tục hành chính

1. Đối với những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

Dự thảo Nghị định không quy định TTHC mới.

2. Đối với những thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung

Bộ Xây dựng đã thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM Phụ lục II kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Hiện tại 02 TTHC hiện nay đã được quy định cụ thể trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, cách thức nộp, thời gian giải quyết để đảm bảo thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, qua đó góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

3. Đối với những thủ tục hành chính được bãi bỏ

Dự thảo Nghị định không có TTHC bãi bỏ.

III. Lấy ý kiến

Bộ Xây dựng đã thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, các Bộ, ngành liên quan; đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; đánh giá thủ tục hành chính đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP và đánh giá tác động chính sách đối với dự thảo Thông tư. Bên cạnh đó, Bộ xây dựng đã tổ chức họp Tổ soạn thảo, họp với các đơn vị liên quan để trao đổi ý kiến và hoàn thiện việc xây dựng Dự thảo Nghị định.

Trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Xây dựng tuân thủ đầy đủ các quy định của quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, rà soát đảm bảo ban hành đúng phạm vi được giao trong Luật, đồng thời tiến hành rà soát, đối chiếu nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trên đây là bản đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo Nghị định, Bộ Xây dựng kính báo cáo./.

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

BỘ XÂY DỰNG

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS

Dự thảo 1
27/01/2026

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự thảo văn bản: Nghị định về hoạt động bay

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay đối với các chuyến bay hoạt động bay dân dụng thuộc thẩm quyền của Cục Hàng không Việt Nam

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15; 2. Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay; 3. Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 125/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục được quy định rõ ràng, phản ánh đúng bản chất hoạt động quản lý nhà nước của Cục Hàng không Việt Nam; xác định rõ hành động quản lý (“cấp, sửa đổi, hủy bỏ”), đối tượng điều chỉnh (“phép bay”) và phạm vi thẩm quyền.
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Trình tự được quy định đầy đủ từ tiếp nhận hồ sơ, xử lý đến trả kết quả, phù hợp với thực tiễn quản lý hoạt động bay dân dụng.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam và nghĩa vụ cung cấp hồ sơ của tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng, không chồng chéo.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Có áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nộp hồ sơ trực tuyến trên môi trường điện tử - dịch vụ công trực tuyến.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: Việc cấp phép bay dựa trên hồ sơ, tài liệu kèm theo; không kiểm tra, xác minh thực tế tại hiện trường. - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan kèm theo.
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về cách thức để cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả, cụ thể: qua môi trường điện tử.

Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐ Điện tử ☒	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Việc cho phép thực hiện trên môi trường điện tử giúp giảm thời gian, chi phí và phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị	- Nêu rõ lý do quy định: Các thành phần hồ sơ nhằm xác định yêu cầu quản lý nhà nước về quyền vận chuyển hàng không, đủ tài liệu an toàn tàu bay và năng lực phục vụ của cảng hàng không. - Yêu cầu về hình thức: Hình thức nộp trực tuyến trên môi trường điện tử. Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC.
b) Tên thành phần hồ sơ 2. Đối với chuyến bay vận tải hàng không thương mại thường lệ đi, đến của hãng hàng không nước ngoài: a) Quyền vận chuyển hàng không được Cục Hàng không Việt Nam cấp đối với hãng hàng không khai thác đường bay mới; b) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay nước ngoài (FAOC) được Cục Hàng không Việt Nam cấp đối với tàu bay lần	- Nêu rõ lý do quy định: Các thành phần hồ sơ nhằm xác định yêu cầu quản lý nhà nước về quyền vận chuyển hàng không, đủ tài liệu an toàn tàu bay và năng lực phục vụ của cảng hàng không. - Yêu cầu về hình thức: Hình thức nộp trực tuyến trên môi trường điện tử. Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC.

đầu tiên khai thác đi, đến Việt Nam;

c) Điện văn xác nhận giờ đi, đến cảng hàng không Việt Nam (slot).

3. Đối với chuyến bay vận tải hàng không thương mại thường lệ đi đến của hãng hàng không Việt Nam:

a) Quyền vận chuyển hàng không đối với các chuyến bay quốc tế được Cục Hàng không Việt Nam cấp đối với hãng hàng không khai thác đường bay mới;

b) Đối với tàu bay lần đầu tiên khai thác đi, đến Việt Nam: Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC), Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay nước ngoài (FAOC) được Cục Hàng không Việt Nam cấp trong trường hợp khai thác tàu bay thuê có tổ bay;

c) Điện văn xác nhận giờ đi, đến cảng hàng không

Việt Nam (slot).

4. Đối với chuyển vận tải hàng không thương mại không thường lệ đi, đến:

a) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC) được Cục Hàng không Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay nước ngoài (FAOC) được Cục Hàng không Việt Nam cấp trong trường hợp hãng hàng không Việt Nam khai thác tàu bay thuê có tổ bay;

b) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay nước ngoài (FAOC) đối với hãng hàng không nước ngoài;

c) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC) do Nhà chức trách quốc gia đăng ký tàu bay cấp; Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay; Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực trong trường hợp tàu bay khai thác không nằm trong các

Giấy chứng nhận nêu tại điểm a, b khoản này.

d) Điện văn xác nhận giờ đi, đến cảng hàng không Việt Nam (slot).

5. Các chuyến bay đi, đến không phải là vận tải hàng không thương mại đối với tàu bay đăng ký quốc tịch nước ngoài:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực;

b) Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay.

6. Các chuyến bay đi, đến không phải là vận tải hàng không thương mại đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam, trừ các chuyến bay vận tải hàng không chuyên dùng và hàng không chung:

a) Văn bản chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam về việc đưa tàu bay thuê vào khai thác tại Việt Nam đối với chuyến bay ra, vào Việt Nam theo hợp đồng thuê tàu bay.

b) Thông báo của Cục Hàng không Việt Nam về việc đưa tàu bay mua vào khai thác tại Việt Nam đối với chuyến bay ra, vào Việt Nam theo hợp đồng mua tàu bay. 7. Đối với chuyến bay bay qua lãnh thổ của Việt Nam, người đề nghị cấp phép bay gửi đơn đề nghị cấp phép bay.	
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Thành phần hồ sơ của TTHC này được quy định rõ ràng, cụ thể, chứng minh được việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):.....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm xem xét, thông báo phép bay hoặc trả lời không đồng ý cấp

	phép cho người nộp đề nghị trong thời hạn sau đây: a) Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đề nghị đối với các chuyến bay vận tải hàng không thương mại thường lệ; b) Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đề nghị đối với chuyến bay vận tải hàng không thương mại không thường lệ do hãng hàng không kinh doanh vận tải hàng không thương mại thường lệ thực hiện; c) Một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đối với các chuyến bay các chuyến bay không phải là vận tải hàng không thương mại, không bao gồm các chuyến bay vận tải hàng không chuyên dùng và hàng không chung khai thác bằng tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam; chuyến bay vận tải hàng không thương mại không thường lệ do hãng hàng không kinh doanh vận tải hàng không thương mại không thường lệ thực hiện; d) Cơ quan cấp phép bay giải quyết ngay cho người nộp đề nghị đối với các chuyến bay trong tình huống cấp thiết; các tình huống bất thường khác và các nội dung sửa đổi phép bay theo danh mục: (i) Chuyến bay chuyên chở thợ máy, động cơ, trang bị, thiết bị phục vụ, sửa chữa tàu bay hỏng hóc; chuyến bay vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi của tàu bay bị hỏng hóc hoặc chuyển sân để có tàu bay phục vụ mục đích này; chuyến bay khai thác trở lại sau khi chuyển hướng sân bay hạ, cất cánh (divert) do thời tiết, kỹ thuật, nhân đạo; chuyến bay khai thác trở lại sau khi khắc phục sự cố kỹ thuật; (ii) Chuyến bay tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, y tế, cứu hộ; (iii) Chuyến bay nội địa chuyển sân; chuyến bay kiểm tra kỹ thuật; (iv) Chuyến bay của tàu bay dân dụng Việt Nam phục vụ mục đích công vụ; (v) Chuyến bay vì mục đích nhân đạo; (vi) Sửa đổi các nội dung sau đây của phép bay: Đường hàng không; thay đổi tàu bay vì lý do phi thương mại; thay đổi tàu bay vì lý do thương mại đối với chuyến bay nội địa; thay đổi sân bay cất cánh, hạ cánh ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với các chuyến bay qua vùng trời Việt Nam; thay đổi số hiệu chuyến bay. Lý do quy định: Thời hạn giải quyết TTHC được tính toán trên cơ sở phù hợp với thời hạn giải quyết các nội dung thẩm định, xử lý, xem xét tại các cơ quan, đơn vị.
b) Trong trường hợp một	Có ☐ Không ☐

thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Lý do quy định:.....
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển hoặc người được ủy quyền là tổ chức. Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC. - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒ Mô tả rõ: Người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển hoặc người được ủy quyền là cá nhân. Lý do quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Không mở rộng đối tượng do đã bao gồm đầy đủ các tổ chức và cá nhân thực hiện thủ tục cấp phép bay
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐

	- Lý do quy định: Hoạt động bay dân dụng được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phù hợp theo thẩm quyền cấp phép bay của Cục Hàng không Việt Nam
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Thủ tục gắn với quản lý thống nhất hoạt động bay dân dụng trên phạm vi toàn quốc.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Thủ tục cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay thuộc danh mục thủ tục hành chính, tuy nhiên hoạt động hàng không diễn ra liên tục, bất kể ngày nghỉ, ngày lễ hoặc bất cứ lúc nào ngoài giờ hành chính, trong dự thảo Nghị định, Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền một số trường hợp được quy định cụ thể cho Trung tâm quản lý luồng không lưu (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam) thực hiện công tác cấp phép bay.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):

	+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐ Nội dung quy định:..... Lý do quy định:.....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đề nghị cấp phép bay thường lệ đi/đến Việt Nam	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Thông tin hãng hàng không Lý do quy định: Để phục vụ quản lý và cấp phép bay phù hợp. + Nội dung thông tin 2: Lịch bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay. + Nội dung thông tin 3: Mục đích chuyến bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay. + Nội dung thông tin 4: Tàu bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay.

	+ Nội dung thông tin 5: Thông tin bổ sung (nếu có). Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay trong trường hợp chuyến bay có các yêu cầu bổ sung + Nội dung thông tin 6: Thông tin người đề nghị cấp phép bay. Lý do quy định: Để trao đổi liên lạc - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:.....
c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Đề nghị cấp phép bay không thường lệ đi/đến Việt Nam 3. Đơn đề nghị sửa đổi phép bay 4. Đề nghị cấp phép bay thường lệ bay qua 5. Đề nghị cấp phép bay không thường lệ bay qua	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Thông tin hãng hàng không Lý do quy định: Để phục vụ quản lý và cấp phép bay phù hợp. + Nội dung thông tin 2: Lịch bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay. + Nội dung thông tin 3: Mục đích chuyến bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay. + Nội dung thông tin 4: Tàu bay. Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay. + Nội dung thông tin 5: Thông tin bổ sung (nếu có). Lý do quy định: Để xác định phục vụ và điều hành chuyến bay trong trường hợp chuyến bay có các yêu cầu bổ sung + Nội dung thông tin 6: Thông tin người đề nghị cấp phép bay.

	Lý do quy định: Để trao đổi liên lạc - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định.....
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☒ Nêu rõ loại song ngữ: Tiếng Anh Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): áp dụng cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:.....
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định:..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....

	
b) Yêu cầu, điều kiện n:	- Lý do quy định:..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: Phép bay của Cục Hàng không Việt Nam Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Nội dung phép bay được điều chỉnh linh hoạt theo từng trường hợp cụ thể, đặc biệt đối với các đề nghị sửa đổi, hủy bỏ một phần trong phép bay

c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Hiệu lực phép bay: 1. Giờ đi và đến dự kiến của từng chuyến bay được xác định theo nội dung phép bay đã cấp; người khai thác tàu bay, người vận chuyển không được cố ý xây dựng lịch bay có giờ đi, đến sai lệch so với giờ phép bay đã cấp. 2. Phép bay cho chuyến bay cất, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam có giá trị hiệu lực từ mười hai (12) giờ trước giờ dự kiến cất, hạ cánh trong phép bay đến hai mươi bốn (24) giờ sau giờ dự kiến cất, hạ cánh. 3. Phép bay cho chuyến bay qua lãnh thổ Việt Nam có giá trị hiệu lực trong phạm vi thời gian từ ba (03) giờ trước giờ dự kiến cất, hạ cánh trong phép bay đến bảy mươi hai (72) giờ sau giờ dự kiến cất, hạ cánh trong phép bay. 4. Giá trị hiệu lực của phép bay bao gồm cả phép bay cho chuyến bay từ sân bay dự bị đi sân bay đến hoặc sân bay khởi hành trong phép bay.. - Nếu Không, nêu rõ lý do:.....
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: Hoạt động bay dân dụng được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Khuất Duy Anh Điện thoại cố định: 844-38272283; Di động: 0984625882 E-mail: anhkd@caa.gov.vn	

Bộ Quốc phòng bổ sung:

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

Dự thảo 1
27/01/2026

BỘ XÂY DỰNG

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự thảo văn bản: Nghị định về hoạt động bay

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15; 2. Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Chỉ rõ hành động của Cơ quan quản lý nhà nước là “Đề nghị chấp thuận độ cao công trình”; - Phù hợp với tên của kết quả thủ tục hành chính và đối tượng thực hiện.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:

	- Thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện của riêng từng cách thức thực hiện: (1) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc (2) thông qua dịch vụ bưu chính hoặc (3) trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (4) Hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; - Các bước thực hiện được quy định hợp lý để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Có phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước (Cục tác chiến – Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính;
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Có áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (nộp hồ sơ trực tuyến trên môi trường điện tử - dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4).
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và có văn bản gửi Cục Hàng không Việt Nam để lấy ý kiến thống nhất ảnh hưởng của độ cao công trình đối với hoạt động hàng không dân dụng Lý do quy định: Việc quy định kiểm tra, thẩm định trước khi chấp thuận nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động hàng không. - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	

a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: + Thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về cả 03 cách thức để cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả, cụ thể: (1) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc (2) thông qua dịch vụ bưu chính hoặc (3) trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (4) Hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: + Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được quy định cả 03 trường hợp, cá nhân hoặc tổ chức căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để lựa chọn cách thức thực hiện nào thuận lợi, tiết kiệm chi phí tối đa khi thực hiện thủ tục hành chính.
--	---

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ: 1) Văn bản đề nghị chấp thuận độ cao công trình thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Nghị định này; 2) Bản sao bản đồ hoặc sơ đồ không gian, vị trí khu vực xây dựng công trình có đánh dấu vị trí xây dựng công trình; 3) Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm đảm bảo có đủ cơ sở pháp lý để chấp thuận đối với thủ tục hành chính - Yêu cầu về hình thức: (1) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc (2) thông qua dịch vụ bưu chính hoặc (3) trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (4) Hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; Lý do quy định: tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp và nhận kết quả giải quyết TTHC
---	---

theo quy định của pháp luật;	
b) Tên thành phần hồ sơ n:	- Nêu rõ lý do quy định:..... - Yêu cầu về hình thức:..... Lý do quy định:.....
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: - Thành phần hồ sơ của TTHC này được quy định rõ ràng, cụ thể, chứng minh được việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):.....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: + Trong 15 ngày làm việc, đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tỉnh không đầu các sân bay và các công trình quy định tại Điều 96 của Nghị định. + Trong 20 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghiệp cao. + Trong 25 ngày làm việc đối với các dự án cáp treo, đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km,

	hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm. + Trong 35 ngày làm việc đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài trên 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Thời hạn giải quyết TTHC được tính toán trên cơ sở phù hợp với thời hạn giải quyết các nội dung thẩm định, xử lý, xem xét tại các cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Cơ quan cấp phép xây dựng hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình đề nghị chấp thuận độ cao công trình. Lý do quy định: Tuân thủ quy định Điều 95 của Nghị định - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:..... Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐

	- Lý do quy định: Để đảm bảo an toàn trong hoạt động hàng không. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng đã mở rộng tối đa.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01 tổ chức.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Thủ tục hành chính này đã được quy định rõ ràng về cơ quan giải quyết TTHC, theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định và cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC đều là Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đây là lĩnh vực quản lý chuyên ngành, lĩnh vực cần quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương, không phân cấp cấp dưới hoặc địa phương.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☐ Có ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐

	Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Được quy định cụ thể tại Thông tư 193/2016/TT-BTC
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định:..... Lý do quy định:.....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỘ CAO CÔNG TRÌNH (đối với tổ chức)	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên cơ quan, đơn vị đề nghị chấp thuận chiều cao công trình Lý do quy định: cung cấp thông tin về chủ thể đề nghị + Nội dung thông tin 2: Địa chỉ cơ quan Lý do quy định: Xác định thông tin cơ quan đề nghị + Nội dung thông tin 3: Tên, tính chất, quy mô công trình; Chiều cao dự kiến xây dựng công trình so với cốt đất tự nhiên; Mức cao cốt đất tự nhiên khu vực xây dựng công trình so với mực nước biển trung bình; Thời gian xây dựng công trình Lý do quy định: Cung cấp thông tin để cơ quan giải quyết TTHC để có cơ sở xác định, đánh giá, chấp thuận - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác nhận Lý do quy định: Việc quy định nhằm đảm bảo xác định được chủ thể đề nghị
c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH (đối với cá nhân)	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên cá nhân đề nghị chấp thuận chiều cao công trình

	Lý do quy định: cung cấp thông tin về chủ thể đề nghị + Nội dung thông tin số 2: Số Căn cước công dân/số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu); Địa chỉ, nơi cư trú; số điện thoại; Địa chỉ thư điện tử (email). Lý do quy định: có cơ sở kiểm tra, xác định đúng đối tượng đề nghị + + Nội dung thông tin số 3: Tên, tính chất, quy mô công trình; Vị trí công trình; Chiều cao dự kiến xây dựng công trình so với cốt đất tự nhiên; Mức cao cốt đất tự nhiên khu vực xây dựng công trình so với mực nước biển trung bình; Thời gian dự kiến xây dựng công trình Lý do quy định: Cung cấp thông tin để cơ quan giải quyết TTHC để có cơ sở xác định, đánh giá, chấp thuận - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người làm đơn xác nhận Lý do quy định: Việc quy định nhằm đảm bảo xác định được chủ thể đề nghị
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):.....
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Công trình có mức cao vượt lên trên các bề mặt giới hạn chướng ngại vật của sân bay theo quy hoạch	- Lý do quy định: Việc quy định này nhằm đảm bảo giới hạn độ cao công trình, đảm bảo an ninh an toàn toàn trong hoạt động hàng không - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐

	+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
b) Yêu cầu, điều kiện n: Công trình có mức cao vượt lên trên các bề mặt giới hạn chướng ngại vật của sân bay đã được công bố và nằm ngoài các khu vực, dự án quy hoạch đô thị, không gian đã được các Bộ, ngành, địa phương thống nhất với Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam về độ cao theo quy định	- Lý do quy định: Việc quy định này nhằm đảm bảo giới hạn độ cao công trình, đảm bảo an ninh an toàn toàn trong hoạt động hàng không - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Công trình, dự án phải được đánh giá về mức cao so với các bề mặt thu thập chướng ngại vật hàng không: a) Nằm trong khu vực 2a và có chiều cao từ 3 mét trở lên so với mức cao đường cất hạ cánh gần nhất. b) Nằm trong khu vực 2a, 2b và xâm phạm bề mặt thu thập chướng ngại vật	- Lý do quy định: Việc quy định này nhằm đảm bảo giới hạn độ cao công trình, đảm bảo an ninh an toàn toàn trong hoạt động hàng không - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....

hàng không. c) Nằm ngoài khu vực 2a, 2b, 2c và có chiều cao từ 100 mét so với mặt đất hoặc mặt nước. Các khu vực được nêu chi tiết tại phụ lục kèm theo Nghị định này	
d) Yêu cầu, điều kiện 4: Hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay; tuyến đường dây tải điện cao thế, cáp treo, các trạm thu, phát sóng vô tuyến và các công trình điện gió; công trình nằm trong phạm vi ảnh hưởng và tiếp giáp với các khu vực bố trí các đài, trạm vô tuyến điện hàng không.	- Lý do quy định: Việc quy định này nhằm đảm bảo giới hạn độ cao công trình, đảm bảo an ninh an toàn toàn trong hoạt động hàng không - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☒ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):.....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐

	- Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ:..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☐
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☒ Lý do:
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:..... Đã có quy định về điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền:, Cục Tác chiến, Bộ Quốc phòng Điện thoại cố định: ; Di động: ; E-mail:	

Dự thảo 1: Bộ Quốc phòng bổ sung

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP)

BỘ XÂY DỰNG

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị chấp thuận độ cao công trình theo mẫu 09 Phụ lục kèm theo Nghị định 101/2025/NĐ-CP	Soạn thảo văn bản	2.0	45,265		0	10	10	90,530	9,053,000	Đánh máy
1.2	Bản sao bản đồ hoặc sơ đồ không gian, vị trí khu vực xây dựng công trình có đánh dấu vị trí xây dựng công trình;	Sao chụp	1.0	45,265		0	10	10	45,265	4,526,500	
1.3	Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật.	Sao chụp	1.0	45,265		0	10	10	45,265	4,526,500	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.0	45,265			10	10	181,060	18,106,000	
		Bưu điện	0.5	45,265		0	10	10	22,633	2,263,250	
		Internet	0.5	45,265			10	10	22,633	2,263,250	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		0.0	45,265			10	10	0	0	
3.1	Phí		0.0	45,265		0	10	10	0	0	

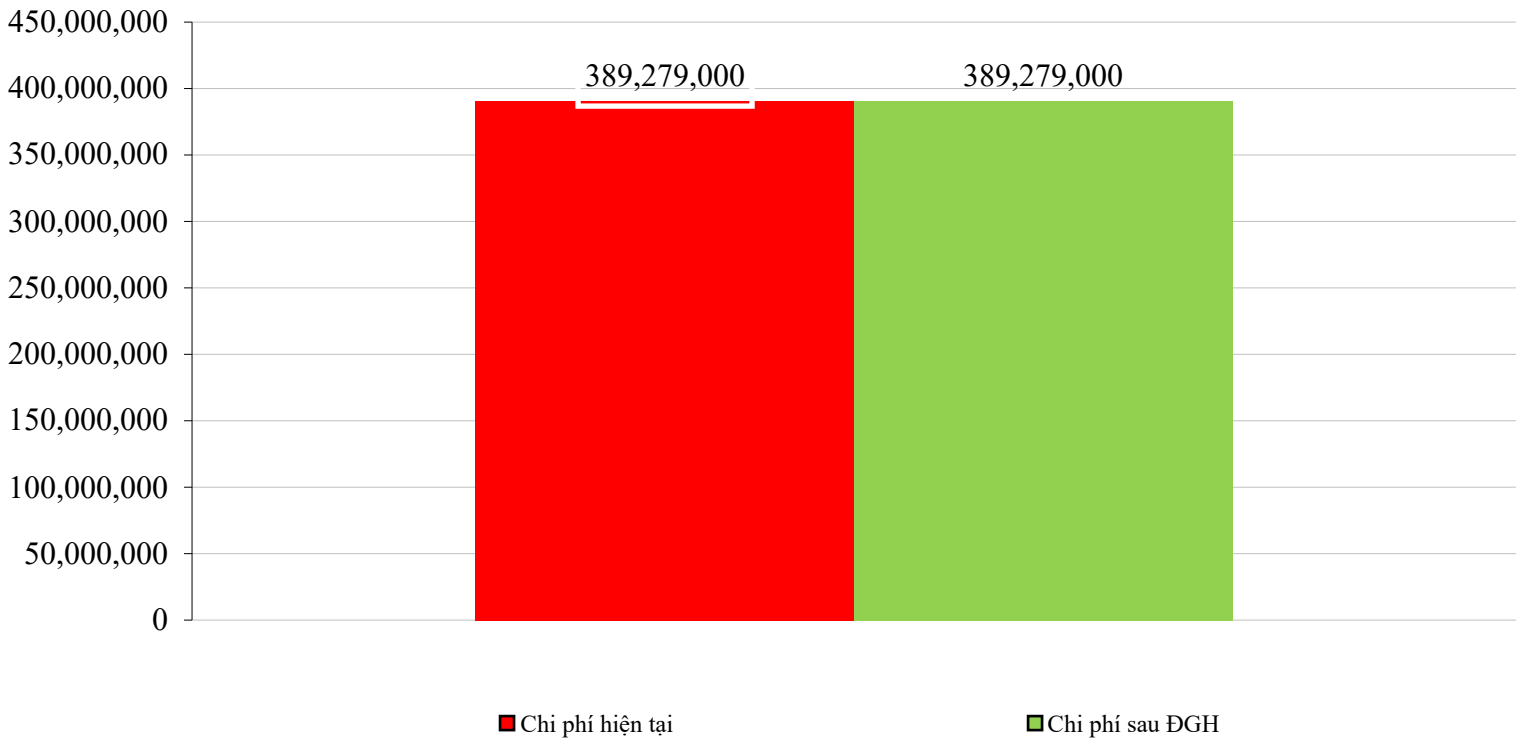
3.2	Lệ phí		0.0	0			0	0	0	0	
3.3	Chi phí khác		0.0	0			0	0	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		72.0	45,265			10	10	3,259,080	325,908,000	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0	45,265					0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.0	45,265			10	10	181,060	18,106,000	
		Bru điện	0.5	45,265		0	10	10	22,633	2,263,250	
		Internet	0.5	45,265			10	10	22,633	2,263,250	
		Khác	0.0	45,265			0	0	0	0	
	TỔNG				0	0			3,892,790	389,279,000	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

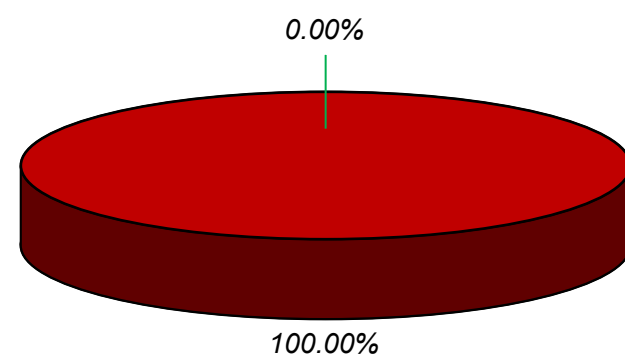
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị chấp thuận độ cao công trình	Soạn thảo văn bản	2.0	45,265		0	10	10	90,530	9,053,000	Đánh máy
1.2	Bản sao bản đồ hoặc sơ đồ không gian, vị trí khu vực xây dựng công trình có đánh dấu vị trí xây dựng công trình	Sao chụp công chứng	1.0	45,265		0	10	10	45,265	4,526,500	
1.3	Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật	Sao chụp	1.0	45,265		0	10	10	45,265	4,526,500	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.0	45,265			10	10	181,060	18,106,000	
		Bru điện	0.5	45,265		0	10	10	22,633	2,263,250	
		Internet	0.5	45,265			10	10	22,633	2,263,250	

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		0.0	45,265			1		0	0	
3.1	Phí		0.0	45,265		0	10	10	0	0	
3.2	Lệ phí		0.0	45,265			1		0	0	
3.3	Chi phí khác		0.0	45,265			1		0	0	
4	Chuân bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		72.0	45,265			10	10	3,259,080	325,908,000	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0	45,265					0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.0	45,265			10	10	181,060	18,106,000	
		Bru điện	0.5	45,265		0	10	10	22,633	2,263,250	
		Internet	0.5	45,265			10	10	22,633	2,263,250	
		Khác	0.0	45,265			10	10	0	0	
	TỔNG				0	0			3,892,790	389,279,000	

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản
(Ban hành kèm theo Nghị định.....2026)

BỘ XÂY DỰNG

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên thủ tục: Thủ tục cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay đối với các chuyến bay hoạt động bay dân dụng thuộc thẩm quyền của Cục Hàng không Việt Nam

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
	Đơn đề nghị cấp phép bay	Viết đơn	1.0	43,750			1	6312	43,750	276,150,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.0	43,750			1	6312	175,000	1,104,600,000	
		Bưu điện	0.0	43,750			1	6312	0	0	
		Internet	0.5	43,750			1	6312	21,875	138,075,000	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		0.0	43,750			1	6312	0	0	
3.1	Phí		0.0	43,750			1	6312	0	0	
3.2	Lệ phí		0.0	43,750			1	6312	0	0	
3.3	Chi phí khác		0.0	43,750			1	6312	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		0.0	43,750			1	6312	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			1	6312	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2.0	43,750			1	6312	87,500	552,300,000	
		Bưu điện	0.0	43,750		0	1	6312	0	0	
		Internet	0.0	43,750			1	6312	0	0	
		Khác		43,750			1	6312	0	0	
	TỔNG				0	0			328,125	2,071,125,000	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
	Đơn đề nghị cấp phép bay	Viết đơn	1.0	43,750			0	0	43,750	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4.0	43,750			0	0	175,000	0	
		Bưu điện	0.0	43,750			0	0	0	0	
		Internet	0.5	43,750			0	0	21,875	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		0.0	43,750			0	0	0	0	
3.1	Phí		0.0	43,750			0	0	0	0	
3.2	Lệ phí		0.0	43,750			0	0	0	0	
3.3	Chi phí khác		0.0	43,750			0	0	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		0.0	43,750			0	0	0	0	
	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			0	0	0	0	
	Nhận kết quả	Trực tiếp	2.0	43,750			0	0	87,500	0	
5		Bưu điện	0.0	43,750		0	0	0	0	0	
6		Internet	0.0	43,750			0	0	0	0	
		Khác		43,750			0	0	0	0	
	TỔNG				0	0			328,125	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



